

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Võ Hồng Quận**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1993. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Th**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/8/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Th thành hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 11/4/2015. Thời gian chung sống được khoảng 04 năm, thì phát sinh mâu thuẫn,

không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục chung sống và vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn Th.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Nhã U, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/5/2018 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04/01/2021, người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Th, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thì bà có liên hệ với anh Th nhưng anh Th không về tham gia tố tụng được do bận đi làm. Giữa anh Th và chị D thành hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th. Sau khi thành hôn thì anh Th, chị D đi làm ở Thành phố, sau khi chị D sinh cháu Phạm Nguyễn Nhã U thì chị D về nhà bà để bà chăm sóc, đến khi chị D sinh cháu Phạm Nguyễn Minh P thì chị D nói không thể tiếp tục sống chung với anh Th nên về nhà mẹ ruột ở và hiện tại chị D cũng đi làm để con cho bà ngoại chăm sóc, chị D đảm bảo điều kiện để nuôi con, hiện tại 02 cháu vẫn phát triển tốt. Về tài sản chung, nợ chung thì bà không biết.

Tại biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được ngày 18/12/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị D trình bày: Chị xác tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh Th. Con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 750.000đ/01 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, xử cho chị D ly hôn với anh Phạm Văn Th. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Nguyễn Nhã U, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/5/2018 cho chị

Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 02/02/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn Th phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn Th cư trú tại ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Văn Th được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà L đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Phạm Văn Th thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 vào ngày 11/4/2015 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Dg và anh Th là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị D và anh Th thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh Th vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị D và anh Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Phạm Nguyễn Nhã U, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/5/2018 hiện đang sống trực tiếp với chị D, cuộc sống cũng đảm bảo. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 750.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th không có ý kiến về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Xét mức cấp dưỡng nuôi con chị D yêu cầu là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 02/02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Văn Th phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D. Xử cho chị D ly hôn với anh Phạm Văn Th.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Phạm Nguyễn Nhã U, sinh ngày 01/9/2016 và Phạm Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 02/02/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy D nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị D đã nộp theo biên lai thu số 0016518 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Phạm Văn Th nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 11/4/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An